CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP Đầu tư Cao su Đắk Lắk

Ngày 15/01/2024	7,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	7.2%	**1.4%**	**-7.2%**

DT thuần
Q4/23
148
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 54.5| 57.8%
YoY: ▼7.00| -4.8%

LN thuần
Q4/23
46.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 33.2| 248%
YoY: ▲ 13.5| 40.9%

LN sau thuế
Q4/23
31.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 20.7| 190%
YoY: ▲ 3.70| 13.2%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023
22.5%
YoY: +/-▼ 0.7%

ROE
2023
13.4%
YoY: +/-▲ 0.8%

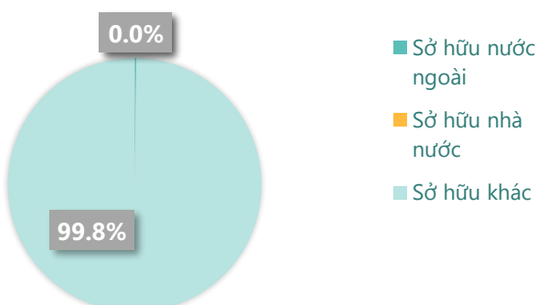
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,809 - 8,347
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	534
Số lượng CPLH (CP)	73,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	342,370
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	1.93
EPS	1,012
P/E	7.5

DT thuần
2023
444
tỷ VNĐ
YoY: ▼53.0| -10.7%

LN thuần
2023
101
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.00| -5.3%

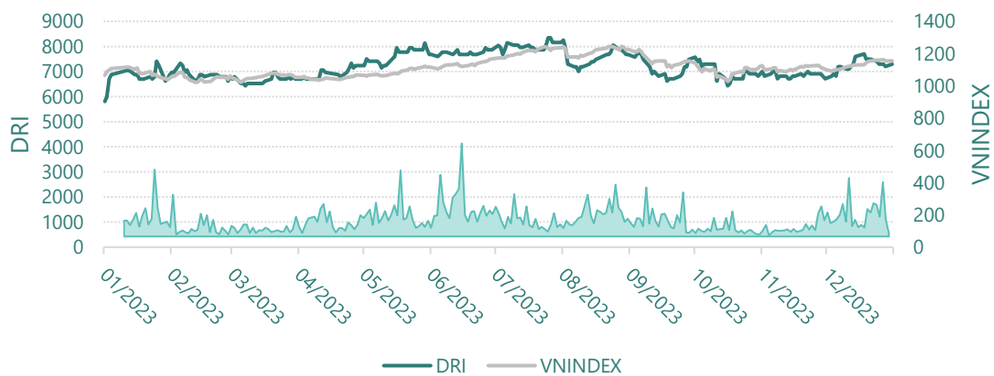
LN sau thuế
2023
74.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.30| -7.8%

Cơ cấu sở hữu

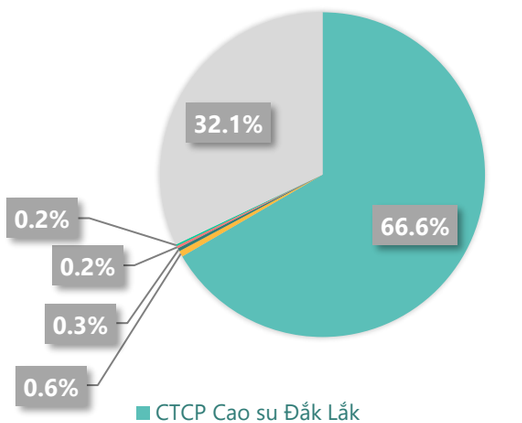


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



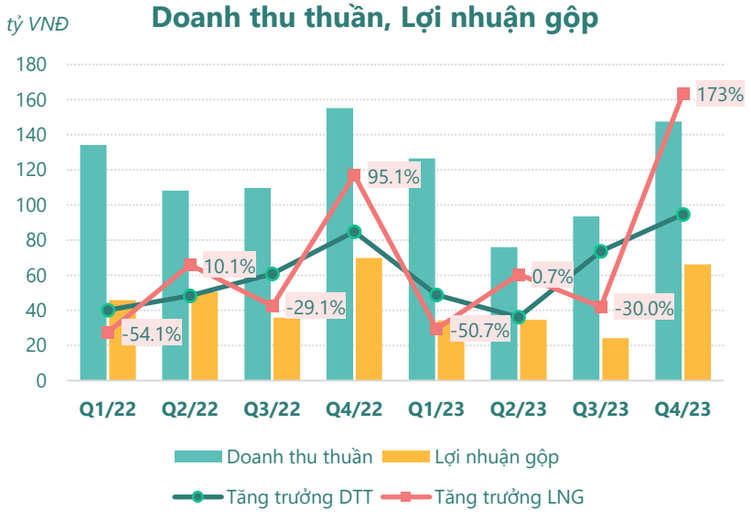
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

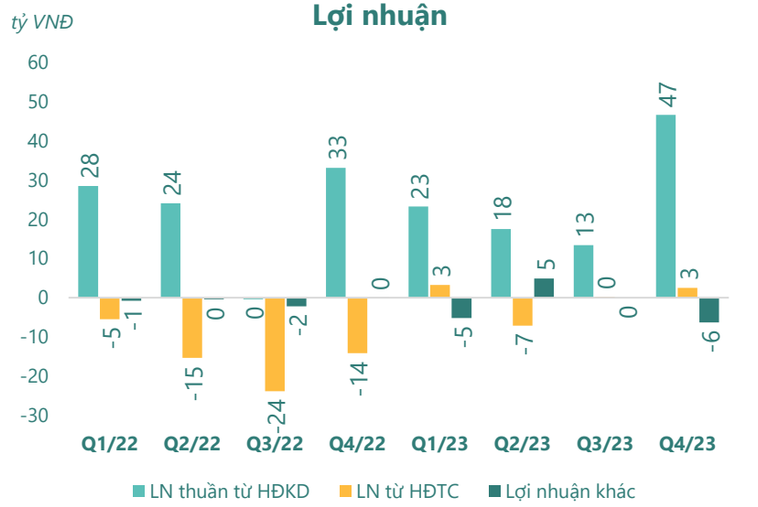
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



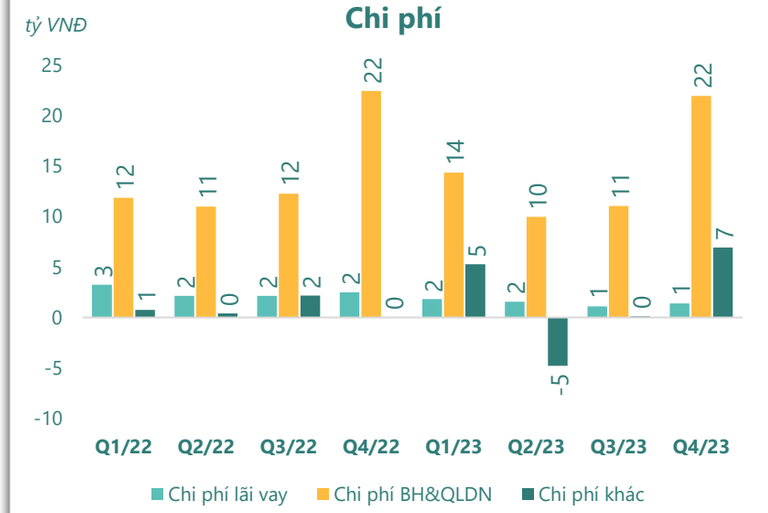
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



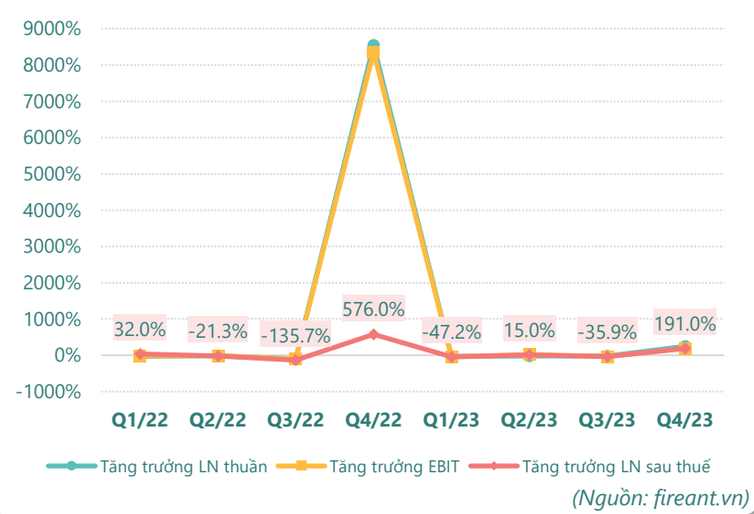
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



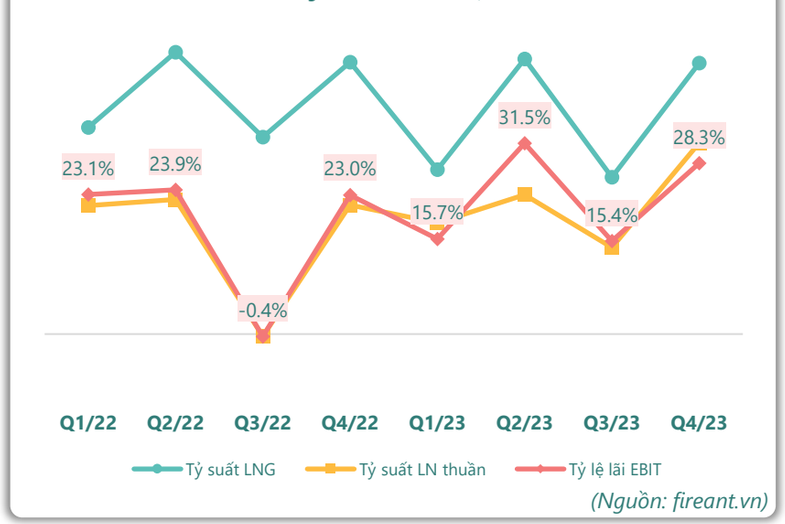
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



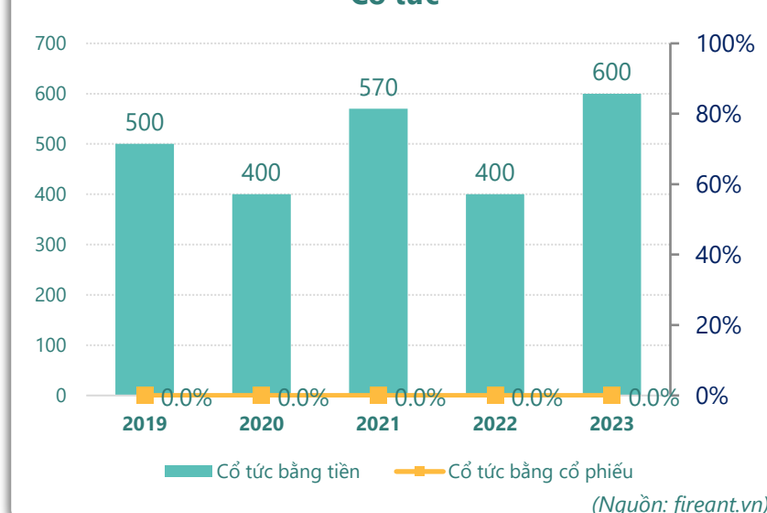
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

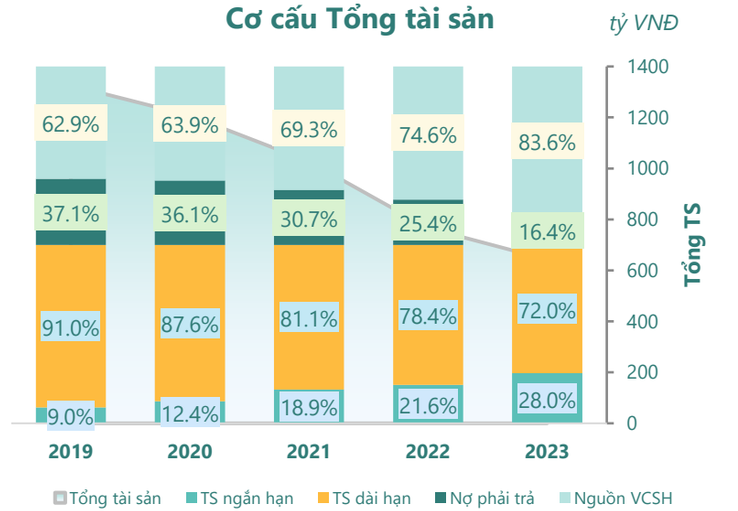
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

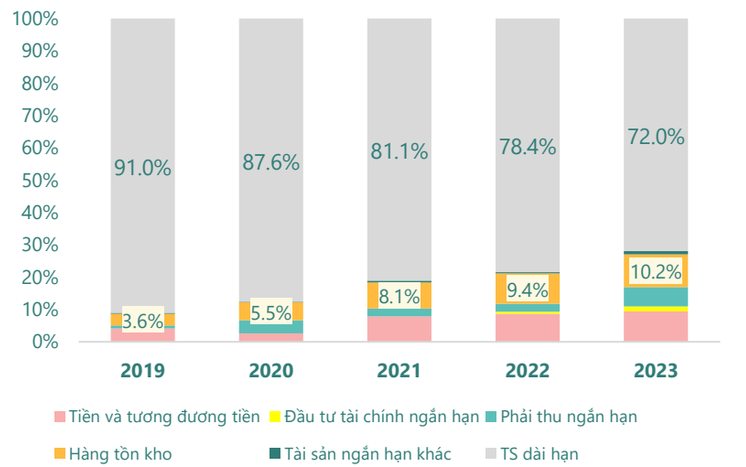
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



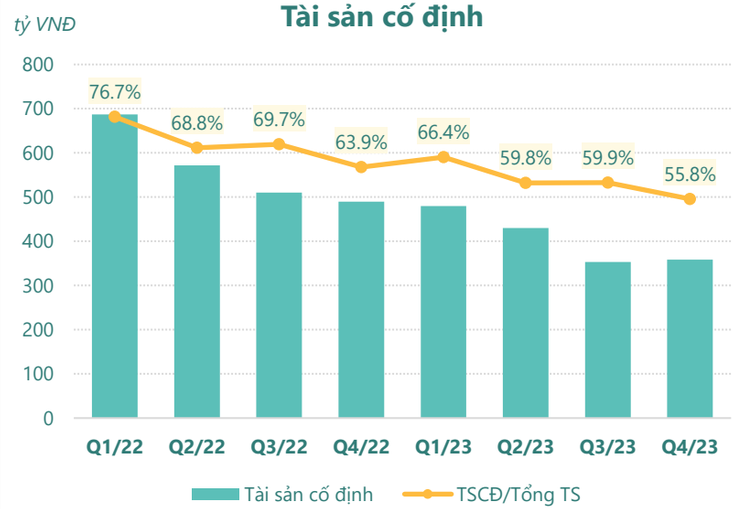
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



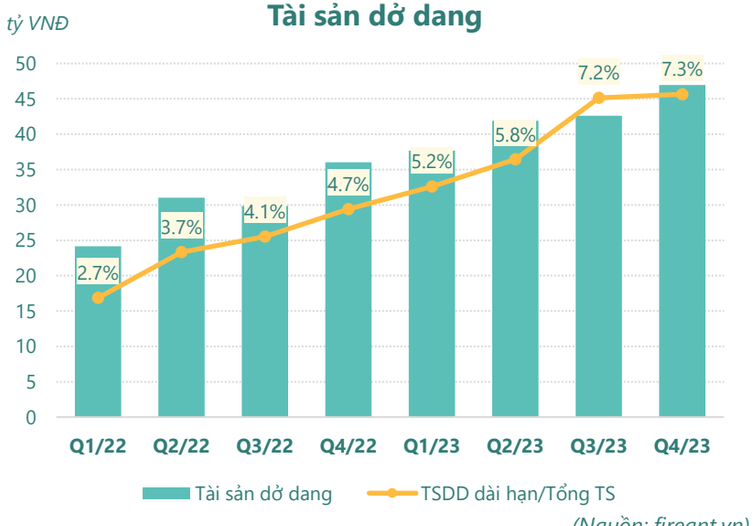
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



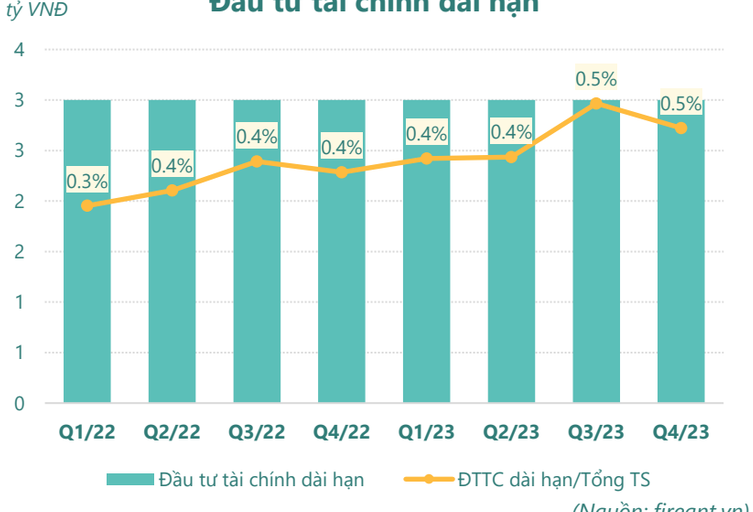
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



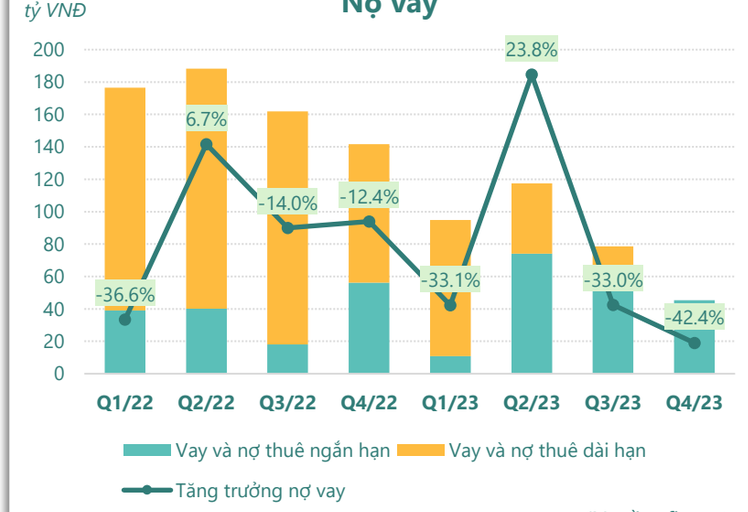
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

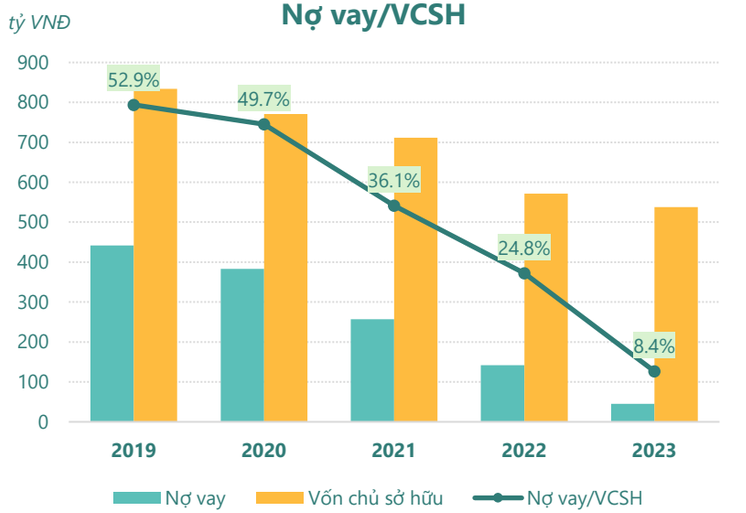
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

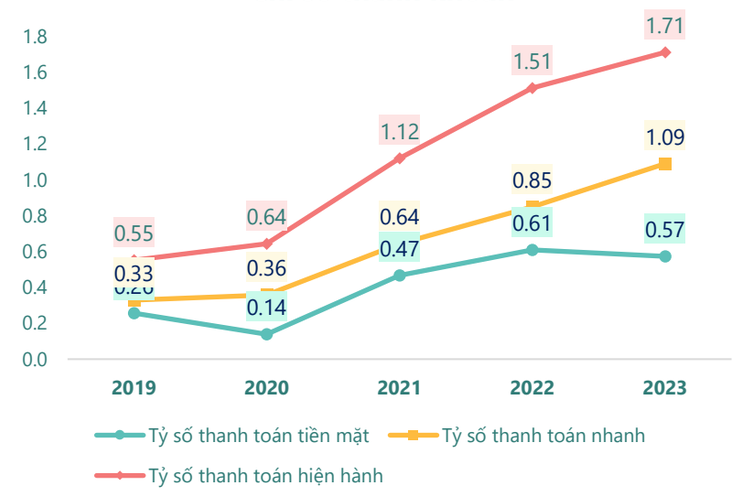
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



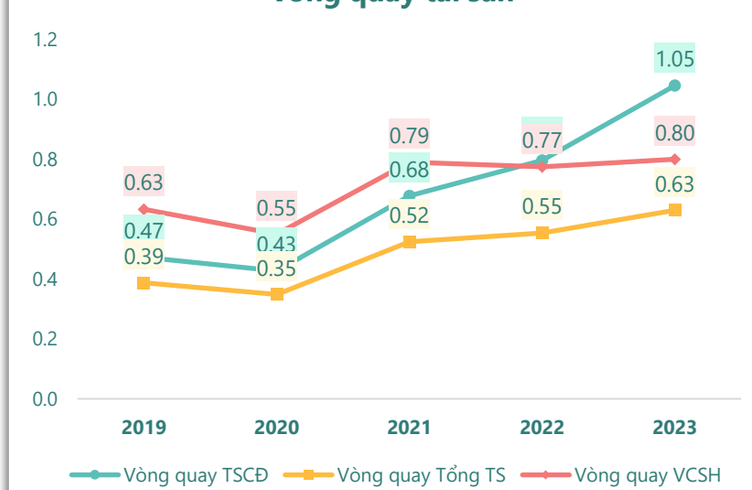
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



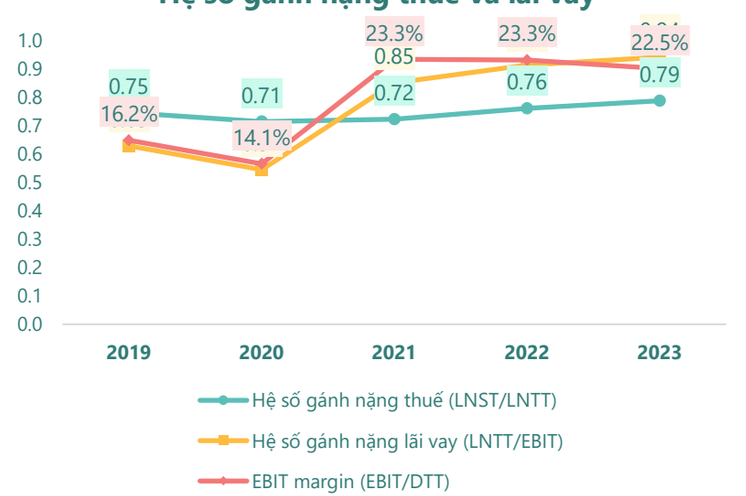
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



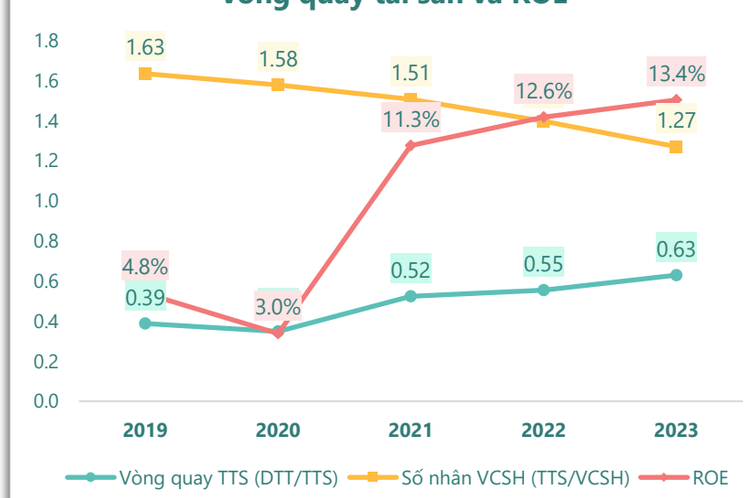
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



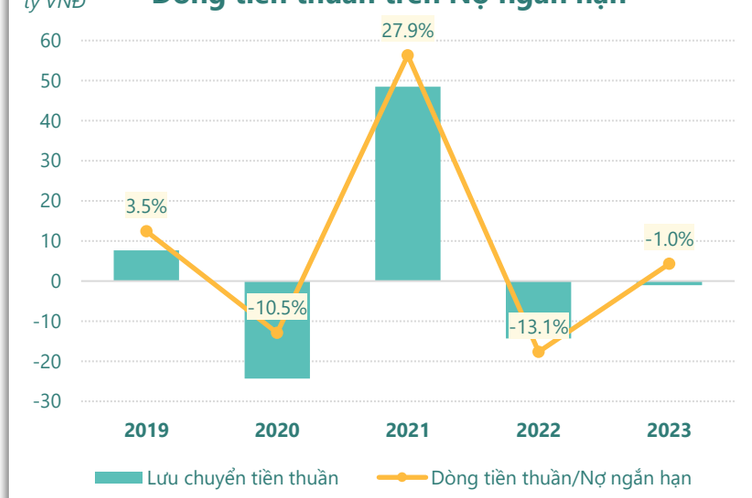
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**148**	**155**	**-4.8%**	**444**	**497**	**-10.7%**
Giá vốn hàng bán	81.4	85.5	-4.8%	284	293	-3.2%
Lợi nhuận gộp	66.1	69.8	-5.3%	159	203	-21.7%
Doanh thu HĐTC	5.03	8.92	-43.6%	17.1	31.2	-45.2%
Chi phí TC	2.49	23.1	-89.2%	18.2	70.5	-74.1%
Chi phí lãi vay	1.38	2.50	-44.7%	5.87	10.0	-41.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	12.0	12.6	-4.4%	34.4	34.9	-1.4%
Chi phí QLDN	**9.94**	**9.90**	**0.4%**	**23.0**	**22.7**	**1.1%**
LN thuần từ HĐKD	46.6	33.1	40.9%	101	106	-5.3%
Lợi nhuận khác	**-6.33**	**0.05**	**-12751%**	**-6.70**	**-0.83**	**-706%**
LN trước thuế	40.3	33.2	21.4%	94.1	106	-10.9%
Lợi nhuận sau thuế	**31.6**	**27.9**	**13.2%**	**74.1**	**80.4**	**-7.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**31.4**	**28.5**	**10.2%**	**74.1**	**80.8**	**-8.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.22	126	59.2	-51.0	52.8	77.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	66.3	-103	-29.5	0.10	-2.42	-6.96
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-85.6	10.2	-45.5	24.9	-42.2	-37.6
Tiền đầu kỳ	64.1	37.4	66.6	50.8	24.9	29.4
Lưu chuyển tiền thuần	**-24.5**	**33.4**	**-15.8**	**-26.0**	**8.13**	**32.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	-2.21	-4.22	0.03	0.11	-3.62	-1.74
Tiền cuối kỳ	37.4	66.6	50.8	24.9	29.4	60.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	**643**	**766**	**-16.1%**
Tài sản ngắn hạn	180	165	9.1%
Tiền và tương đương tiền	60.3	66.6	-9.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	5.00	100%
Phải thu ngắn hạn	38.3	18.5	107%
Hàng tồn kho	65.4	72.3	-9.6%
Tài sản ngắn hạn khác	6.10	2.77	121%
Tài sản dài hạn	**463**	**601**	**-23.0%**
Phải thu dài hạn	43.0	60.0	-28.3%
Tài sản cố định	359	490	-26.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	47.0	34.7	35.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.00	3.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**11.2**	**13.5**	**-16.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	105	195	-45.9%
Nợ ngắn hạn	**105**	**109**	**-3.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	45.3	56.2	-19.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.72	1.02	68.0%
Nợ dài hạn	0	85.5	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	85.5	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**538**	**571**	**-5.9%**
Vốn chủ sở hữu	**538**	**571**	**-5.9%**
Vốn điều lệ	732	732	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)